

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-ST

Ngày: 02-10-2018

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Ất.

2. Bà Đỗ Thị Mau.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLST - DS ngày 21 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2018/QĐST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn T (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 2, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị V (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 2, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

Ông Lê Văn L1 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Nguyễn Tăng trình bày:

Năm 2015, ông T có cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 20.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 20/12/2015 (âm lịch), nhưng từ khi vay đến nay, ông

T đã đòi nhiều lần nhưng bà L vẫn không trả. Số tiền bà L vay ông T là tài sản chung của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị V.

Ông Nguyễn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

Theo bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Năm 2015, bà Nguyễn Thị L có nhận nợ thay cho chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Thành L đã vay của ông Nguyễn T số tiền 20.000.000 đồng. Chị H và anh L đã ly hôn và hiện nay đi đâu làm gì thì bà L không biết. Giấy vay tiền nội dung thể hiện bà L vay của ông T số tiền 20.000.000 đồng, bà L thừa nhận có ký giấy người vay Nguyễn Thị L là đúng.

Ông Nguyễn T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền 20.000.000 đồng thì bà L đồng ý, nhưng hiện tại hoàn cảnh gia đình bà L rất khó khăn nên đề nghị trả cho ông T mỗi năm là 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ số tiền 20.000.000 đồng. Chồng bà L là ông Lê Văn L1 hiện nay ông L1 đang đi làm ăn xa và không có thời gian lên Tòa án làm việc được. Số tiền nợ 20.000.000 đồng của ông T là vay cá nhân không liên quan đến ông L1, bà L đồng ý trả hết số tiền 20.000.000 đồng cho ông T và bà Nguyễn Thị V.

Theo người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày:

Năm 2015, bà Nguyễn Thị L có vay của ông Nguyễn T số tiền 20.000.000 đồng và hẹn ngày 20/12/2015 (âm lịch) sẽ trả, nhưng từ khi vay đến nay bà L không trả số tiền trên.

Bà Nguyễn Thị V đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L phải trả ông Nguyễn T và bà V số tiền 20.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

Đối với bị đơn ông Lê Văn L1, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Lê Văn L1 làm việc vụ án nhưng ông L1 đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền gốc 20.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L1 vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà L và ông L1 theo khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết án của

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn T, buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị V số tiền 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo giấy vay tiền giữa ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị L xác lập năm 2015 thì bà L vay ông T số tiền 20.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 30/12/2015 (âm lịch), hợp đồng không thể hiện lãi suất. Từ khi vay đến nay bà L vẫn chưa trả cho ông T. Ngày 12/3/2018, ông T khởi kiện yêu cầu bà L phải trả số tiền 20.000.000 đồng. Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là “Kiện đòi tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nơi cư trú của bị đơn tại tổ 1, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Như vậy, Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn T với bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Hai bên ký hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký của bà Nguyễn Thị L, theo hợp đồng thì bà L có vay của ông T số tiền 20.000.000 đồng, hợp đồng không thể hiện lãi suất, thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận là ngày 30/12/2015 (âm lịch). Từ khi vay đến nay, mặc dù ông T đã đòi nhiều lần nhưng bà L vẫn không trả nợ.

Phía bà Nguyễn Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo giấy vay tiền đã cam kết với ông Nguyễn T quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền vay gốc 20.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của ông T, bà V là có căn cứ. Phía bà L cũng thừa nhận sẽ trả nợ số tiền này nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L xác định chồng bà L là ông Lê Văn L1 không liên quan đến khoản nợ vay này và bà L sẽ trả nợ số tiền 20.000.000 đồng cho ông T và bà V, phía ông T và bà V cũng đồng ý để bà L trả nợ không yêu cầu ông L1 phải trả nên cần buộc bà L phải trả cho ông T và bà V số tiền 20.000.000 đồng là phù hợp.

Từ những phân tích, nhận định trên đây Hội đồng xét xử qua thảo luận đi đến thống nhất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn T, buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị V số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng.

Về án phí: Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông Nguyễn T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn T số tiền 500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001761 ngày 21/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T, buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị V số tiền vay gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị V có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành mà bà Nguyễn Thị L không trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số nợ chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả nợ được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bà Nguyễn Thị L phải nộp 1.000.000đ (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn T số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001761 ngày 21/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L1 vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TX. Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS TX. Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Quy